TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2019/LĐ-ST
Ngày: 19-11-2019
V/v: "Tranh chấp về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Hoàng Thị Mai Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Minh Tân – Nguyên chủ tịch Liên đoàn lao động thành phố Quảng Ngãi.

2. Ông Nguyễn Đình Dũng – Cán bộ hưu trí

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Linh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thanh Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 19/2019/TLST-LĐ ngày 10-01-2019 về *"Tranh chấp về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 203/2019/QĐXXST - LĐ, ngày 15-10-2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 162/2019/QĐHPT-ST, ngày 31-10-2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1982, địa chỉ cư trú: Số 02 đường M, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Bà Nh ủy quyền cho bà Đinh Thị Thanh Th, sinh năm 1967; địa chỉ cư trú: Tổ 16, phường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Theo văn bản ủy quyền ngày 20-9-2018; bà Th có mặt.

2. Bị đơn: Công ty C; địa chỉ trụ sở: Lô 23, khu công nghiệp Q, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Thanh B chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị; vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bảo hiểm xã hội tỉnh Q; địa chỉ trụ sở: Số 08 đường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiêu S, chức vụ: Giám đốc. Ông Tiêu S ủy quyền cho ông Lê Thành V, chức vụ: Phó trưởng phòng khai thác và thu hồi nợ. Theo văn bản ủy quyền ngày 23-10-2019; ông V có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 20-12-2018, đơn khởi kiện bổ sung và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Công ty C được thành lập từ việc chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước (Nhà máy B) theo Quyết định số 5989/QĐ/BNN-TCCB ngày 27-12-2002 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong tiến trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước theo Nghị định số 64/2002/NĐ-CP ngày 19-6-2002 trên cơ sở tự nguyện cùng góp vốn của các cổ đông.

Bà Nguyễn Thị Nh bắt đầu ký Hợp đồng lao động làm việc tại Công ty C từ tháng 04 năm 2006, chức danh chuyên môn là thống kê, công việc phải làm là thống kê thành phẩm và vật tư; thủ quỹ nhà máy; nhân viên kế toán.

Sau thời gian ký hợp đồng và làm việc tại Công ty C ngày 10-12-2015 bà Nh có đơn xin chấm dứt hợp đồng lao động. Ngày 31-12-2015 Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty C ký Quyết định số 370/QĐ-HĐQT về việc Chấm dứt hợp đồng lao động đối với bà Nh. Tuy nhiên, trong thời gian bà Nh làm việc, Công ty C chưa đóng nộp bảo hiểm các loại từ tháng 12 năm 2013 đến tháng 12 năm 2015 và lãi chậm đóng cho bà Nh đến ngày 30-9-2018 với tổng số tiền là 25.311.585 đồng, nên tại đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung bà Nh yêu cầu Công ty C phải đóng bảo hiểm các loại với tổng số tiền là 25.311.585 đồng, cụ thể gồm: Bảo hiểm xã hội là 17.693.767 đồng, bảo hiểm y tế là 362.167 đồng, bảo hiểm thất nghiệp là 397.117 đồng, bảo hiểm tai nạn lao động- bệnh nghề nghiệp là 35.618 đồng và tiền lãi chậm đóng từ tháng 12 năm 2013 đến 30-9-2018 là 6.840.916 đồng.

Tuy nhiên, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Công ty C đã trả một khoản tiền để chốt sổ bảo hiểm cho 144 người lao động, số tiền còn lại đã được trích vào tiền gốc bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp (theo quy định của ngành Bảo hiểm) trong đó có trường hợp của bà Nh, đã được Công ty C đóng xong khoản tiền bảo hiểm y tế là 362.167 đồng và bảo hiểm thất nghiệp là 35.618 đồng, do vậy Công ty C chỉ còn nợ tiền đóng bảo hiểm xã hội cho bà Nh là 17.693.767 đồng và bảo hiểm tai nạn – bệnh nghề nghiệp 35.618 đồng (trước đây hai khoản này được tính là bảo hiểm xã hội, đến tháng 7 năm 2016 hai khoản này mới tách ra) và tiền lãi chậm đóng từ tháng 12 năm 2013 đến tháng 10 năm 2019 là 10.759.567 đồng. Tổng cộng là 28.488.952 đồng, bà Nh yêu cầu Công ty C phải đóng số tiền 28.488.952 đồng này cho bà Nh và đóng khoản lãi phát sinh từ tháng 11 năm 2019 cho đến khi Công ty C đóng xong các khoản tiền nêu trên, để Bảo hiểm xã hội tỉnh Q chốt sổ và giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội cho bà Nh. Đối với yêu cầu đóng bảo hiểm ý tế 362.167 đồng và bảo hiểm thất nghiệp 397.117 đồng, do Công ty C đã đóng xong nên bà Nh rút yêu cầu khởi kiện đối với Công ty C về khoản tiền bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp.

2. Bị đơn Công ty C trong quá trình giải quyết vụ án không có văn bản trình bày ý kiến, đã được triệu tập lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa.

3. Ông Lê Thành V đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Bảo hiểm xã hội tỉnh Q trình bày: Theo nội dung đại diện theo ủy

quyền của nguyên đơn đã trình bày về số nợ gốc bảo hiểm xã hội, bảo hiểm tai nạn lao động- bệnh nghề nghiệp và nợ lãi cùng lãi phát sinh của Công ty C phải đóng đối với bà Nguyễn Thị Nh đã được cơ quan bảo hiểm xác nhận ngày 25-10-2019 nêu trên là đúng. Để cơ quan bảo hiểm có cơ sở xác nhận chốt sổ bảo hiểm xã hội cho người lao động thì Công ty C phải đóng đầy đủ tiền nợ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm tai nạn lao động- bệnh nghề nghiệp, tiền lãi chậm đóng theo quy định pháp luật (điểm 3.2 Khoản 3 Điều 46 Nghị định 595/QĐ-BHXH ngày 14-4-2017 của Tổng giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam) và lãi phát sinh từ tháng 11 năm 2019 cho đến thời điểm Công ty C đóng xong các khoản tiền nợ.

4. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tuân theo đúng pháp luật tố tụng dân sự về xác định quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, thẩm quyền, thời hạn chuẩn bị xét xử, xác minh thu thập chứng cứ, trình tự, thủ tục phiên tòa; nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tuân theo đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn không tuân theo đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Buộc Công ty C phải đóng tiền bảo hiểm xã hội (bảo hiểm xã hội và bảo hiểm tai nạn bệnh nghề nghiệp) cho bà Nguyễn Thị Nh và nợ lãi chậm đóng từ tháng 12 năm 2013 đến tháng 10 năm 2019, tổng cộng là 28.488.952 đồng và lãi phát sinh từ tháng 11 năm 2019 cho đến khi Công ty C đóng xong các khoản tiền còn nợ. Nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện về khoản tiền bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp đối với bị đơn nên đề nghị đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn về khoản tiền bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp. Công ty C phải chịu án phí lao động sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng**:

[1.1] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Nh là người lao động khởi kiện vụ án tranh chấp về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và lãi chậm đóng đối với bị đơn Công ty C có trụ sở tại phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] **Về nội dung**:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Nh buộc bị đơn Công ty C phải đóng nộp nợ gốc bảo hiểm xã hội, bảo hiểm tai nạn, bệnh nghề nghiệp và lãi chậm đóng cho bà Nguyễn Thị Nh đến tháng 10 năm 2019 là:

28.488.952 đồng và lãi phát sinh từ tháng 11 năm 2019 cho đến khi đóng xong toàn bộ khoản tiền trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại văn bản số 74/BC-VP ngày 20-4-2017 và biên bản kiểm tra tình hình khắc phục nợ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo cam kết với Liên đoàn lao động tỉnh Q, ngày 14-7-2017 ông Lê Thanh B, chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty C thừa nhận có nợ tiền bảo hiểm xã hội của người lao động, đã dùng số tiền này để mua nguyên liệu phục vụ sản xuất.

Theo trình bày và xác nhận của Bảo hiểm xã hội tỉnh Q ngày 25-10-2019 thì Công ty C chưa đóng bảo hiểm xã hội cho bà Nguyễn Thị Nh theo mã sổ bảo hiểm xã hội số 3501001434 số tiền nợ từ tháng 12 năm 2013 đến tháng 10 năm 2019 tổng cộng là 28.488.952 đồng gồm: Bảo hiểm xã hội 17.693.767 đồng, bảo hiểm tai nạn – bệnh nghề nghiệp 35.618 đồng, tiền lãi chậm đóng 10.759.567 đồng và tiền lãi phát sinh từ tháng 11 năm 2019 đến khi đóng đủ các khoản nợ nêu trên. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 18 của Luật bảo hiểm xã hội năm 2006 thì trách nhiệm của người sử dụng lao động là: "*Đóng bảo hiểm xã hội theo quy định tại Điều 92 và hằng tháng trích từ tiền lương, tiền công của người lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 91 của Luật này để đóng cùng một lúc vào quỹ bảo hiểm xã hội*". Theo quy định tại khoản 3 Điều 138 của Luật bảo hiểm xã hội năm 2006 (Khoản 3 Điều 122 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014) quy định về tiền lãi chậm đóng bảo hiểm: "*Người sử dụng lao động có hành vi vi phạm pháp luật quy định tại Điều 134 của Luật này từ ba mươi ngày trở lên thì ngoài việc phải đóng số tiền chưa đóng, chậm đóng và bị xử lý theo quy định của pháp luật, còn phải đóng số tiền lãi của số tiền chưa đóng, chậm đóng theo mức lãi suất của hoạt động đầu tư từ quỹ bảo hiểm xã hội trong năm*". Do đó, với tài liệu nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Bảo hiểm xã hội tỉnh Q giao nộp, có cơ sở xác định Công ty C đã không thực hiện đúng trách nhiệm của người sử dụng lao động, không đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp, tiền lãi chậm đóng từ tháng 12 năm 2013 đến tháng 10 năm 2019 tổng cộng là 28.488.952 đồng, đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi chính đáng của người lao động và việc chậm nộp các khoản tiền bảo hiểm ảnh hưởng đến quỹ Bảo hiểm xã hội. Như vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty C phải nộp các khoản tiền bảo hiểm nêu trên và tiền lãi cùng lãi phát sinh tại Cơ quan bảo hiểm xã hội tỉnh Q cho bà Nh.

Ngay sau khi Công ty C nộp đủ số tiền trên vào quỹ bảo hiểm xã hội tỉnh Q, bà Nguyễn Thị Nh có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để cập nhật quá trình tham gia bảo hiểm xã hội của bà Nh.

Đối với bị đơn đã được Tòa án nhiều lần triệu tập đến Tòa để giải quyết vụ án theo quy định pháp luật nhưng Công ty C vẫn vắng mặt không có lý do nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.2] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn về khoản tiền bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp vì bị đơn đã đóng xong là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại điểm c

khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu về tiền bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp của nguyên đơn.

[2.3] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn Công ty C phải chịu án phí lao động sơ thẩm với số tiền là: 854.668 đồng (28.488.952 đồng x 3%). Bà Nguyễn Thị Nh là người lao động khởi kiện yêu cầu phải đóng các khoản tiền về bảo hiểm, thuộc trường hợp được miễn tiền tạm ứng án phí theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[2.4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điểm d khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Các điều 5, 6, 186 của Bộ luật lao động năm 2012;

Các điều 2, 4, 5, 6, 14, 18, 91, 92, 94, 134 và khoản 3 Điều 138 Luật bảo hiểm xã hội năm 2006;

Khoản 3 Điều 122 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014;

Điểm a khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Nh. Buộc Công ty C phải có nghĩa vụ nộp tại cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh Q các khoản tiền cho bà Nguyễn Thị Nh tổng cộng là 28.488.952 đồng (*Hai mươi tám triệu, bốn trăm tám mươi tám ngàn, chín trăm năm mươi hai đồng)* gồm: Bảo hiểm xã hội 17.693.767 đồng, bảo hiểm tai nạn – bệnh nghề nghiệp 35.618 đồng và tiền nợ lãi chậm nộp từ tháng 12 năm 2013 đến tháng 10 năm 2019 là 10.759.567 đồng.

Kể từ tháng 11 năm 2019 Công ty C còn phải chịu khoản tiền lãi chậm nộp phát sinh theo quy định của Bảo hiểm xã hội Việt Nam cho đến khi đóng đủ các khoản nợ nêu trên.

Sau khi Công ty C nộp đủ số tiền trên vào quỹ bảo hiểm xã hội tỉnh Q, bà Nguyễn Thị Nh có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để cập nhật quá trình tham gia bảo hiểm xã hội của bà Nh.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Nh về việc yêu cầu Công ty C phải đóng tiền bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp.

3. Về án phí: Công ty C phải chịu 854.668 đồng đồng (*Tám trăm năm mươi bốn ngàn, sáu trăm sáu mươi tám đồng*) tiền án phí lao động sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP Quảng Ngãi;
- CCTHADS TP Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hoàng Thị Mai Hạnh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨ
Độc lập – Tự do – Hạnh

VĂN BẢN TRÌNH BÀY Ý

Kính gửi: Tòa án nhân dân thành ph

Tôi tên là: Đinh Thị Thanh Thủy

Là đại diện ủy quyền của ông Hà Duy Nhất nguy
lý số …/2019/LĐ-ST ngày 10/01/2019 về việc "*Tra*
hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm về tai nạn
với bị đơn là Công ty Cổ phần Tổng hợp Việt Phú.

Trong đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và
trình bày khởi kiện yêu cầu Công ty cổ phần Tổng hợ
các loại từ tháng 12/2013 đến tháng 11/2015 và lãi ch
đến 30/6/2018 với tổng số tiền là 26.291.422 đ *(bằ*
chin mốt nghìn, bốn trăm hai hai đồng). Cụ thể:

Gốc gồm: BHXH: 18.378.550 đ: BHYT: 3
BHTNLĐ – BNN: 37.000 đ.

Lãi chậm đóng từ tháng 12/2013 đến 30/6/2018:

Nay tôi trình bày lại như sau:

Qua quá trình làm việc với Bảo hiểm xã hội tỉ
10/2019 đi đến thống nhất: về tiền gốc bảo hiểm các
nộp đơn khởi kiện, khoản **lãi tăng** do đơn vị tiếp tục
(10/2019); **lý do** bên Công ty cổ phần tổng hợp Việ
chốt sổ cho 144 lao động, số tiền còn lại đã được trích
hiểm thất nghiệp (theo quy định của pháp luật), do vậy
còn lại chỉ nợ bảo hiểm xã hội và bảo hiểm tai nạn, bệ
khoản này được tính là bảo hiểm xã hội, đến tháng 7/2

Vì vậy số tiền Cổng ty Cổ phần tổng hợp Việt P
loại và lãi chậm đóng cho ông Hà Duy Nhất đến 3